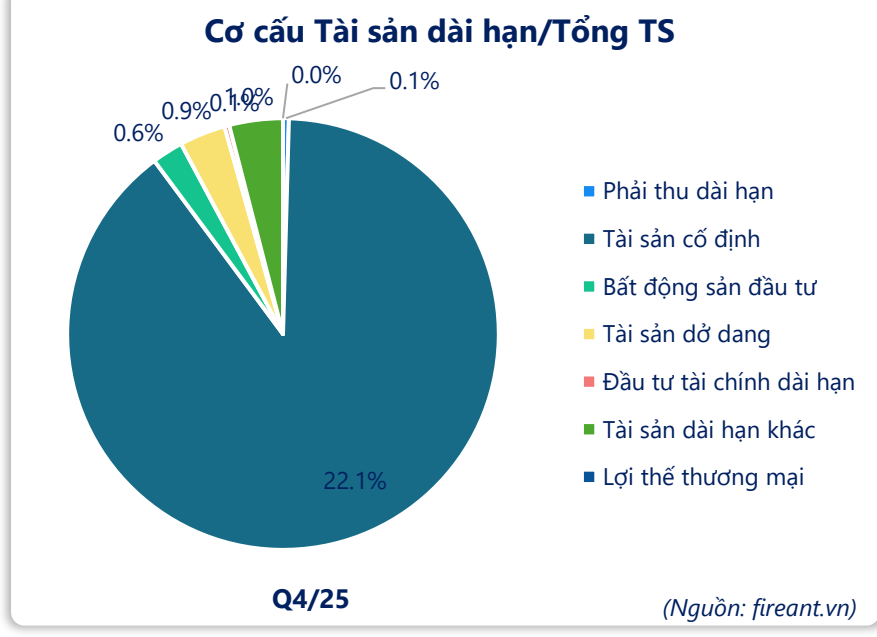
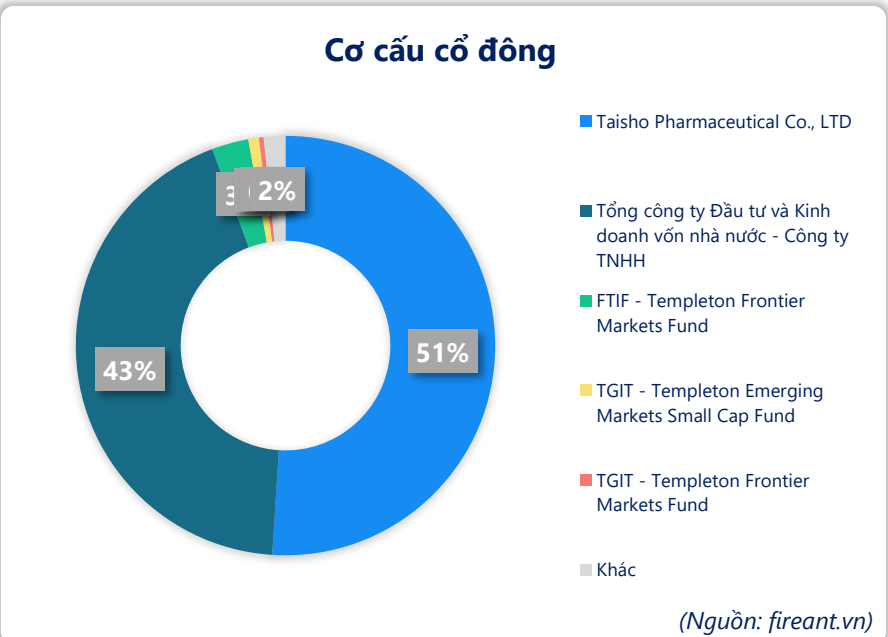
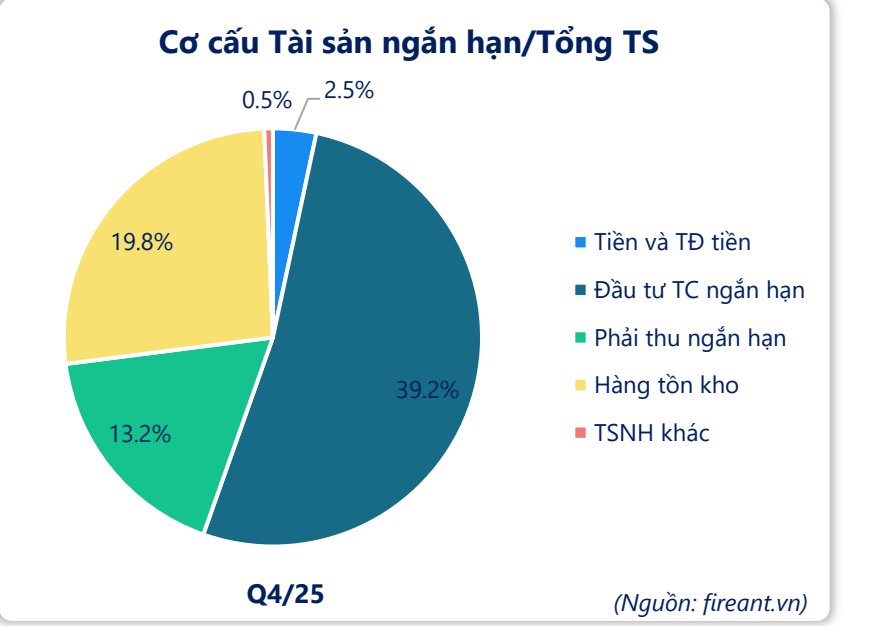
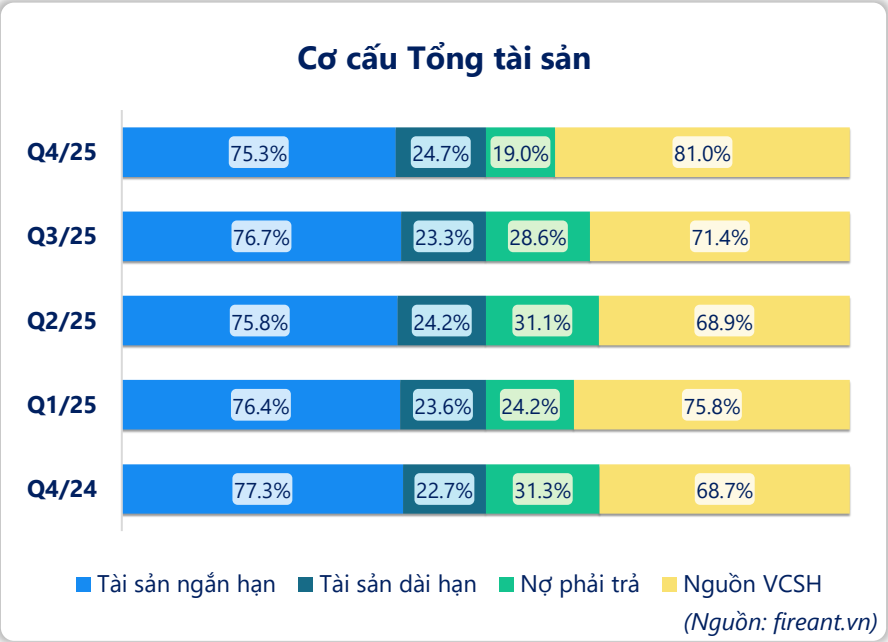
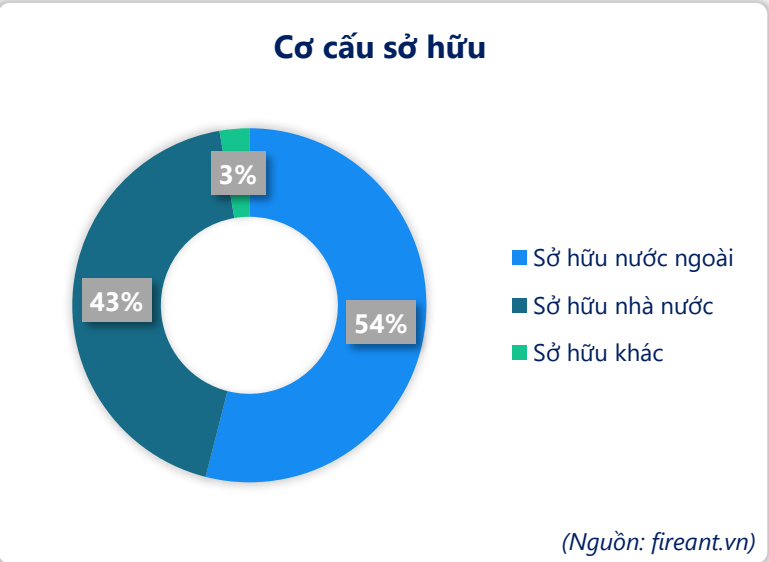
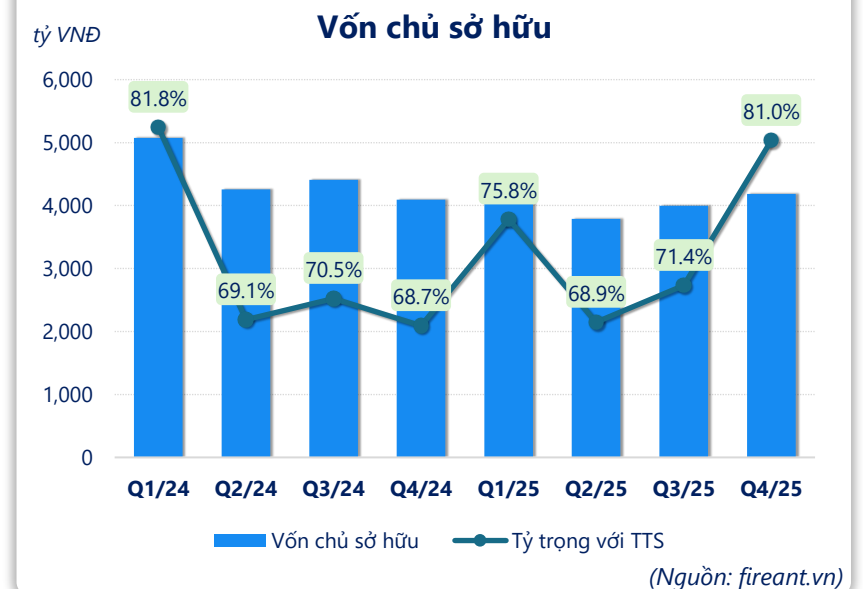
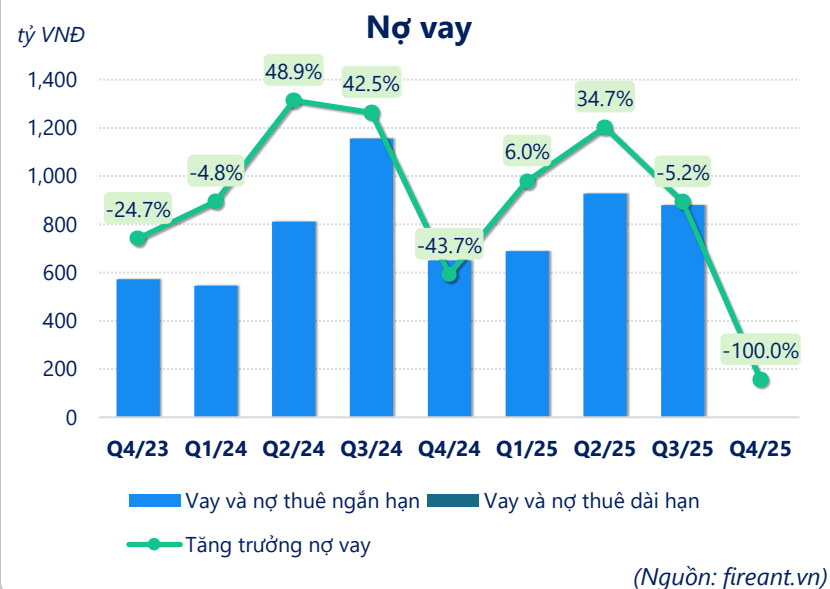
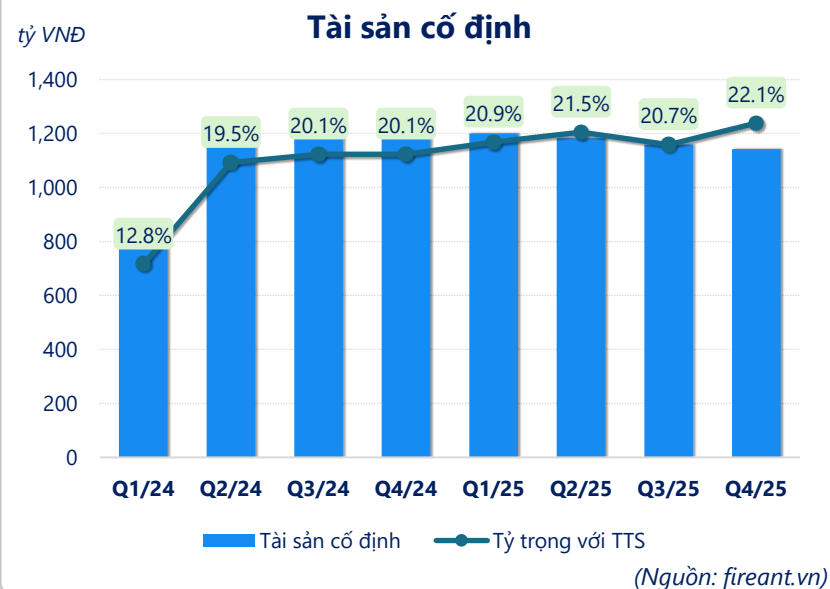
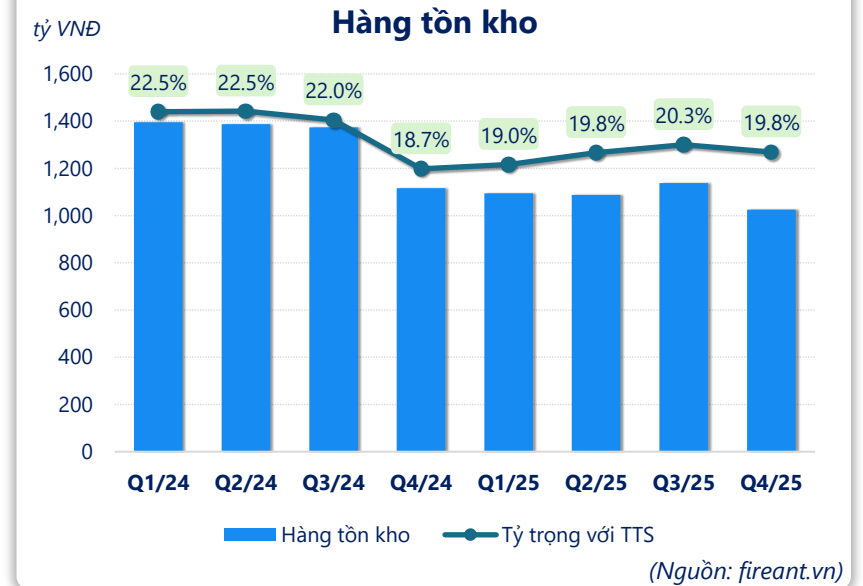
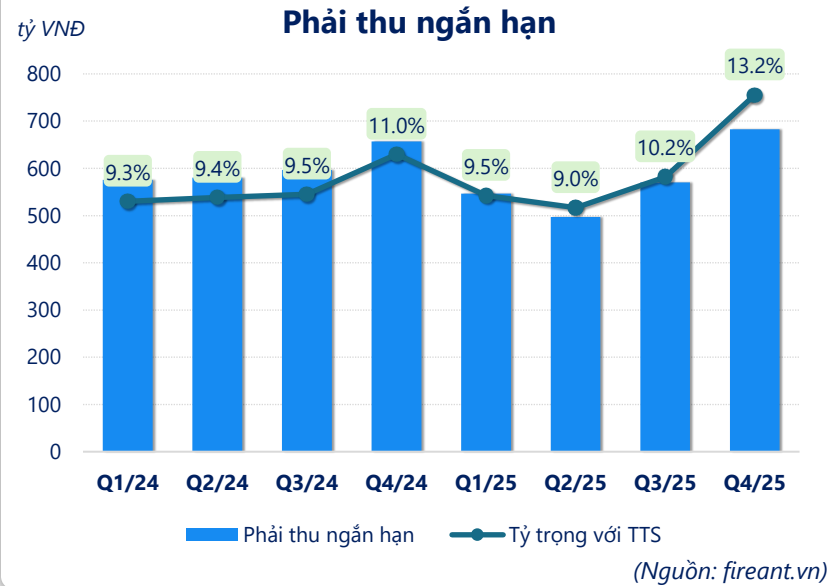
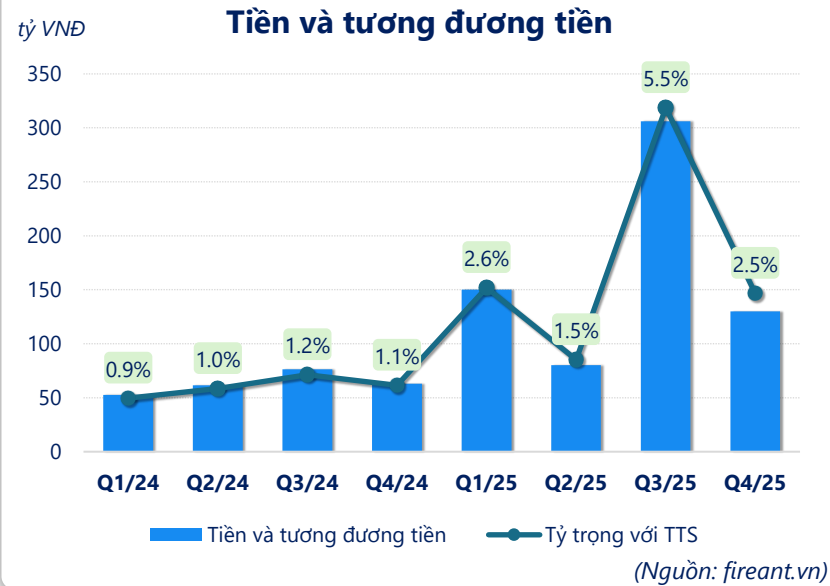
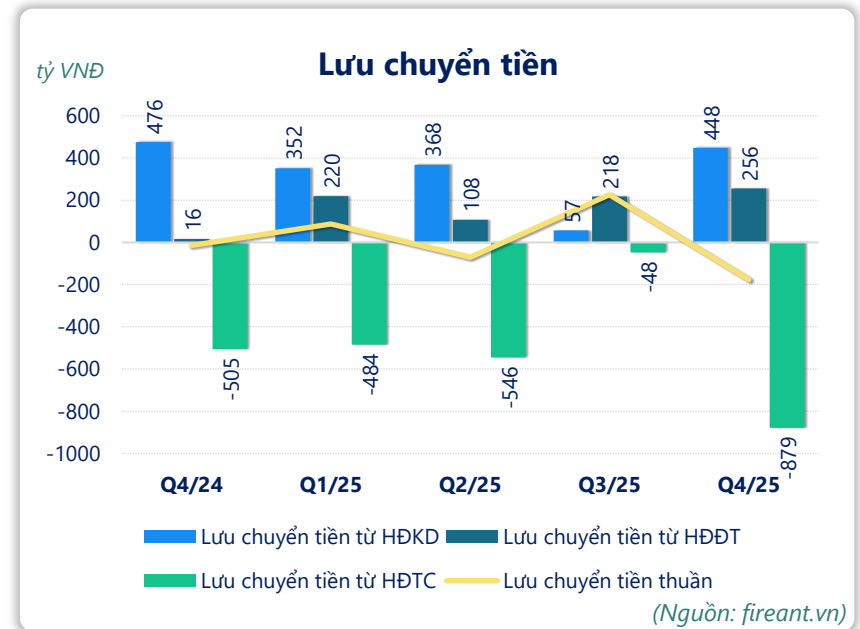
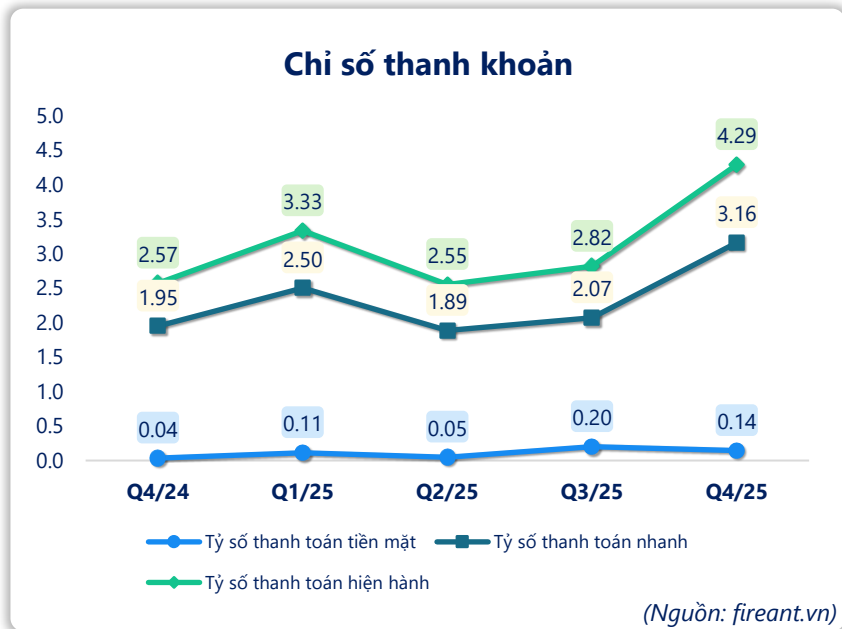
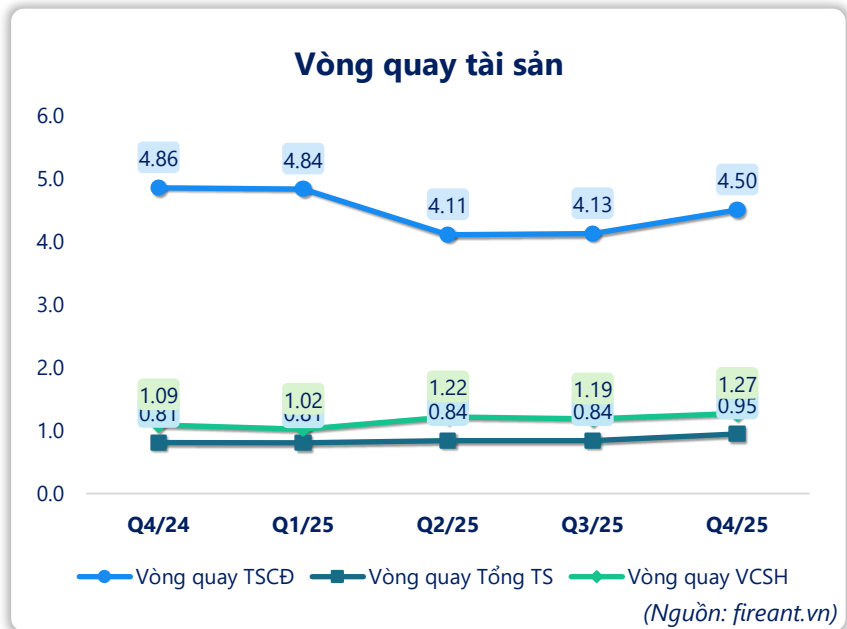
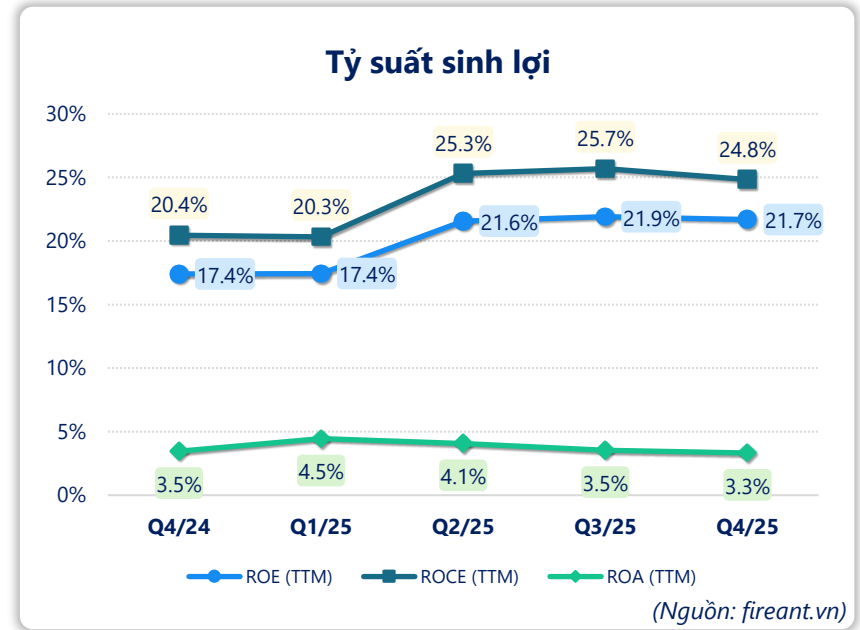
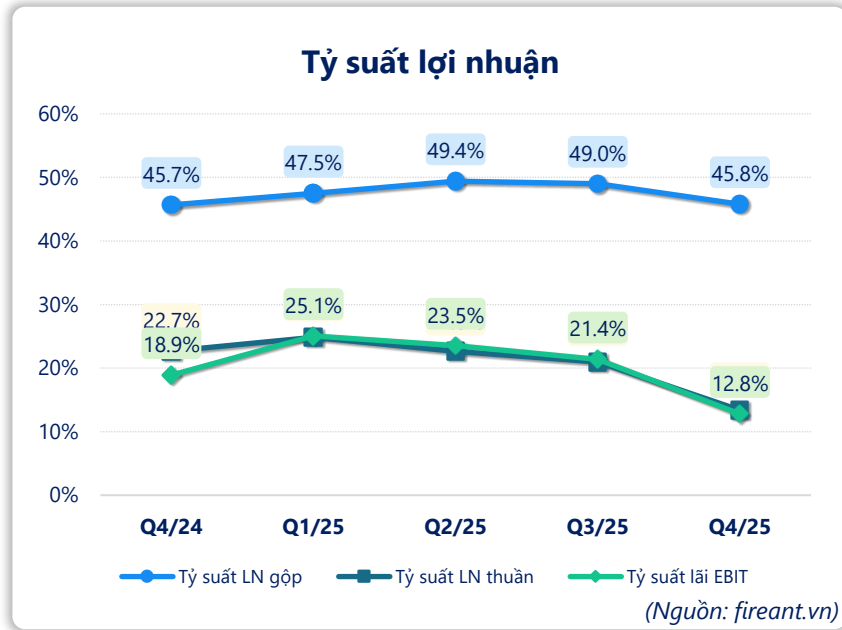
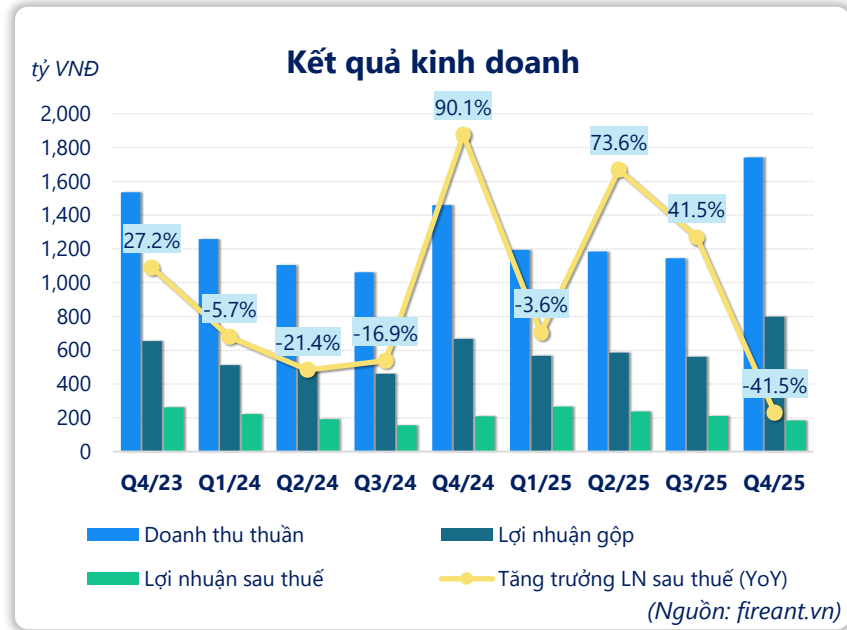


Thông tin giao dịch		31/12/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		102,300
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		108,100
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		84,552
SL cổ phiếu LH		130,746,071
KLGD BQ 20 phiên (CP)		20,155
% sở hữu nước ngoài		54.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		13,375
P/E		14.9
EPS		6,865

	YTD	1T	3T	6T
DHG	4.5%	-1.4%	0.4%	0.7%
VNINDEX	40.5%	2.7%	5.9%	26.1%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	5,166	5,959	-13.3%
Tài sản ngắn hạn	3,887	4,604	-15.6%
Tiền và tương đương tiền	130	62.9	107%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	2,024	2,745	-26.3%
Phải thu ngắn hạn	683	657	4.0%
Hàng tồn kho	1,025	1,115	-8.1%
Tài sản ngắn hạn khác	26.0	24.0	8.4%
Tài sản dài hạn	1,278	1,355	-5.7%
Phải thu dài hạn	5.61	0.21	2636%
Tài sản cố định	1,143	1,196	-4.4%
Bất động sản đầu tư	29.9	30.7	-2.6%
Tài sản dở dang	44.2	48.6	-9.2%
Đầu tư tài chính dài hạn	4.63	4.44	4.3%
Tài sản dài hạn khác	51.3	75.4	-32.0%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	983	1,864	-47.3%
Nợ ngắn hạn	906	1,790	-49.4%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	650	-100%
Phải trả người bán ngắn hạn	392	167	134%
Nợ dài hạn	77.2	74.2	4.1%
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	4,182	4,095	2.1%
Vốn chủ sở hữu	4,182	4,095	2.1%
Vốn điều lệ	1,307	1,307	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Doanh thu thuần	1,459	1,195	1,184	1,146	1,742
Giá vốn hàng bán	792	627	599	584	944
Lợi nhuận gộp	666	567	585	562	798
Doanh thu HĐTC	35.6	32.8	35.4	35.9	29.2
Chi phí TC	29.0	21.2	21.5	20.8	18.1
Chi phí lãi vay	8.22	6.20	6.50	9.94	3.00
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	258	202	255	254	446
Chi phí QLDN	83.4	80.3	76.4	82.2	130
LN thuần từ HĐKD	331	297	268	240	233
Lợi nhuận khác	-63.7	-3.67	4.50	-5.28	-13.3
LN trước thuế	267	293	272	235	220
Lợi nhuận sau thuế	208	266	237	210	185
LNST của CĐ cty mẹ	208	266	237	210	185

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	476	352	368	56.7	448
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	15.9	220	108	218	256
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-505	-484	-546	-48.3	-879
Tiền đầu kỳ	76.4	62.9	150	80.3	306
Lưu chuyển tiền thuần	-13.7	87.1	-69.7	226	-176
Ảnh hưởng tỷ giá	0.13	0.07	0.00	-0.14	-0.22
Tiền cuối kỳ	62.9	150	80.3	306	130

(Nguồn: fireant.vn)